

Này công dân ơi! Quốc gia đã n ngày giời phóng...Đừng lòng cùng đi, hy sinh tí c gì thân sng!

Việt cho nhng ai xem nh lá c vàng, hãy đi c và suy ngm:



Sau năm 1975, đừng bào Việt Nam h i ngo i đã nh u l n nghe nhng ý ki n phát bi u bng l i nói hay bng nhng bài báo v qu c k và qu c ca Việt Nam. Trong nhng d ki n và ý ki n đ c trình bày, có cái không đúng s th t, có cái đúng s th t nhng gây ra m t s th c m c và hoang mang. Việt bài này, tác gi ch có m c đích trình bày m t s d ki n l ch s xác th t v qu c k và qu c ca Việt Nam và đánh tan nhng lu n đi u có th làm cho ng i qu c gia Việt Nam th c m c và hoang mang v lá qu c k và bài qu c ca c a chúng ta.

I. QUỐC K VIỆT NAM

A. SỰ XUẤT HIỆN CỦA Ý NIỆM QUỐC K TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

Việt dùng m t mnh hàng hay v i có màu s c và hình th c nh t đ nh đ bi u t ng cho m t nh n v t, m t gia t c lãnh đ o hay m t c ng đ ng chánh tr đã có t ngàn x a. Trong các cu c giao tranh đ đ i trên các bãi chi n tr ng c kim, binh sĩ hai bên đ i đ u nhau đ u l y c c a bên mình làm đi m h i t p và đ u t n l c tranh đ u, th ng khi ph i hy sinh c tánh m ng đ b o v nó. Trong l ch s quân s c a m i c ng đ ng chánh tr , v i c c m đ c c c a mình trên đ t đ ch hay c p đ o t đ c c c a quân l c đ ch đ u đ c xem là m t chi n công r ng r . Tuy nhiên, tr c cu c Cách M ng Pháp năm 1789, ph n l n các n c trên th gi i đ u theo ch đ quân ch , ho c là quân ch chuyên ch trong đó ch có m t nhà vua n m tr n quy n lãnh đ o và đ c xem là s h u ch duy nh t c a qu c gia, ho c là quân ch phong ki n trong đó bên đ i nhà vua còn có nhng nhà quý t c làm ch các lãnh đ a, và có khi có nhng th x t tr trong đó quy n đ i khi n thu c m t nhóm ng i hào phú đ a ph ng. M t s c ng đ ng chánh tr nh th i đó đã theo ch đ c ng hòa hay dân qu c. V i ch đ này, quy n lãnh đ o c ng đ ng thu c v m t vài th gia c t c. Các c ng đ ng chánh tr k trên đây đ u đ c l p hoàn toàn hay ph i tùy thu c m t c ng đ ng chánh tr l n h n đ u có lá c làm bi u hi u cho mình. Nhng vì c ng đ ng đ c xem là v t s h u c a m t gia t c hay m t thi u s gia t c lãnh đ o nên lá c c a c ng đ ng cũng đ c xem nh là lá c c a gia t c hay các gia t c đó. Ý ni m qu c k bi u t ng cho toàn th qu c dân ch m i xu t hi n v i cu c Cách M ng Pháp năm 1789. V i cu c cách m ng này, qu c gia không còn đ c xem là v t s h u c a m t gia t c, mà

là våt så håu chung cåa toàn thå måi ngåi sång trong cång đång. Hå luån cåa quan niåm måi này là lá cå måt nåc không còn là biåu tång cåa gia tåc lãnh đåo, mà là biåu tång cåa toàn thå quåc dân. Ngåi i Pháp đã dùng tång drapeau national đåch loåi cå này. Quan niåm cåa ngåi i Pháp lån lån đåc ngåi các nåc khác chåp nhån và ngåi thuåc các dân tåc nói tiång Anh đã dùng tång national flag khi nói đån lá cå cåa mình. Drapeau national cåa Pháp và national flag theo tiång Anh đã đåc ngåi Việt Nam chúng ta đåch là quåc kå. Vå måt thåc hiån cå thå thì lá quåc kå đåu tiên trên thå giåi là cå tam såc cåa Pháp gåm ba màu xanh, trång, đå, xåp ngang nhau theo thå tå kå trên đây. Så hình thành cåa lá cå này là kåt quå cåa måt så thång lång giåa hoàng gia Pháp và nhån dân thå xã Paris. Lá cå tiêu biåu cho hoàng gia Pháp tå nhiåu đåi vån nån trång trên có thåu måt hoa huå màu vàng. Thåi quân chå Pháp, Paris là måt thå xã đåc hång quyån tå trå và có lá cå riêng gåm hai màu xanh và đå xåp ngang nhau. Khi ngåi dân Paris nåi lên làm cách mång đòi håi chánh quyån cåi tå chå đå, hå vån còn chåp nhån nån quân chå. Nhà vua Pháp lúc đó là Louis XVI måt måt vì nhu nhåc, måt måt vì thiåu phång tiån nên không dùng vũ låc đåi phó måt cách quyåt liåt våi phong trào cách mång và chåu chåp nhån các yêu sách cåa nhån dân Paris. Do đó, hai bên đã đång ý nhau låy cå cåa hoàng gia và cå cåa thå xã Paris trån låi làm huy hiåu cho nåc Pháp. Nhà vua là quåc trång nåm quyån Hành Pháp nên màu trång cåa cå hoàng gia đåc đåt giåa, hai màu xanh đåc cåa cå thå xã Paris đåc ghép hai bên thành måt huy hiåu tam såc. Huy hiåu này lån lån đåc phå biån khåp nåi trong nåc, và đån năm 1793, Quåc Håi Nghå đã chánh thåc biåu quyåt låy cå tam såc làm quåc kå cho nåc Pháp. Phåi nói rång vå måt thå må, cå tam såc này råt đåp. Måt khác, Cách Mång Pháp thåi đó låy làm tiêu ngå ba khåu hiåu Liberté – Égalité – Fraternité là Tå Do – Bình Đång – Bác Ái. Ba màu cåa quåc kå Pháp đåc xem là tiêu biåu cho ba tiêu ngå trên đây: màu xanh tiêu biåu cho Tå Do, màu trång tiêu biåu cho Bình Đång và màu đå tiêu biåu cho Bác Ái. Cå tam såc cåa Pháp đã đåp mà còn đåc giåi thích måt cách đåy đå ý nghĩa tång trång råt phù håp våi lý tång chung cåa nhån loåi nên quåc dân Pháp đã nhiåt liåt hoan nghinh nó và chåp nhån nó làm biåu tång cho mình. Vå sau, nhiåu nåc Tây Phång khác chåu ånh hång cåa Cách Mång Pháp đã chån ba màu xanh, trång, đå, làm quåc kå våi nhång giåi thích håi khác nhau, nhång vån dùng ba màu này làm tiêu biåu cho các lý tång tå do, bình đång và bác ái là nån tång chung cåa các xã håi dân chå tå do.

B. CÁC LÁ Cå Đå XUåt HIån Ở VIỆT NAM Våi Tå CÁCH LÀ QUåC Kå

1. Quåc kå xuåt hiån đåu tiên: cå long tinh cåa Hoàng Đå Båo Đåi Ở Việt Nam tråc đây cũng nhå các nåc quân chå cå thåi khác, các lá cå đåc dùng đå biåu tång cho måt nhà lãnh đåo. Hiåu kå cåa måt vå tång cåm đåu måt đåo quân thång có màu phù håp våi mång cåa vå tång đó: ngåi mång kim thì cå màu trång, ngåi mång måc thì cå màu xanh, ngåi mång thåy thì cå màu đen, ngåi mång håa thì cå màu đå, ngåi mång thå thì cå màu vàng. Màu cå cåa các triåu đåi thì đåc các nhà sáng låp chån låa theo så tính toán đåa vào thuyåt cåa håc phái Âm Dång Gia nghiên cåu vå så thånh suy cåa ngũ hành låu chuyån trong vũ trå sao cho triåu đåi mình håp våi måt hành đang hång vång. Ngoài cå chung cåa triåu đåi, måi nhà vua đåu có thå có lá cå riêng cåa mình. Nhång các lá cå này chå đå biåu tång cho hoàng gia. Vå ý niåm quåc kå biåu tång cho cå dân tåc Việt Nam, nó chå xuåt hiån ở nåc ta khi dân tåc ta bå låt

vào ách thống trị của dân Pháp. Tuy nhiên, trong quá trình đấu tranh giành độc lập, dân Việt Nam vẫn chưa có quốc kỳ. Lúc bấy giờ, Nam Việt (đứng đầu là Nam Kỳ) là thuộc địa của Pháp và phải dùng cờ tam sắc của Pháp, Bắc Việt và Trung Việt (đứng đầu là Bắc Kỳ và Trung Kỳ) trên lý thuyết là lãnh thổ của nhà Nguyễn. Các nhà vua Việt Nam thời đó đều có lá cờ biểu tượng riêng cho mình như thời còn triều đình, nhưng cờ này chỉ được treo nơi nào có nhà vua ngự đến chứ không phải mọi nơi trong nước và dĩ nhiên không có tính cách quốc kỳ. Mãi đến thời Thế Chiến II, Hoàng Đế Bảo Đại mới lên danh quốc kỳ đầu tiên. Nguyên lúc đó, người Pháp đã thua Đức và rút lui suy yếu. Họ không còn đủ quân lực để bao vây các thuộc địa xa xôi. Riêng ở Đông Dương thì người Nhật lợi dụng sự suy yếu của Pháp đòi quyền đem binh vào chiếm đóng đất này để lấy nó làm bàn đạp phong tỏa phía nam Trung Quốc và tiến đánh Đông Nam Á Châu với dã tâm ý định chinh phục Á Châu. Chánh phủ Pháp không thể chấp nhận đòi hỏi của Nhật và viên Toàn Quyền thời đó là Đệ Đốc Decoux có nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm tác động quân chiếm đóng Nhật, để người có quyền được tiếp nhận địa bàn bao vây quyền lợi của Pháp ở Đông Dương. Ý thức rằng chính sách thống trị của dân Pháp trước Thế Chiến II làm bất mãn người Việt Nam mới giành, Toàn Quyền Decoux đã áp dụng một chính sách hai mặt: mặt một thì tiếp tục đàn áp các phe phái cách mạng chống Pháp, mặt một xoa dịu người Việt Nam nói chung. Trong khuôn khổ của một thời kỳ trong chính sách này, ông đã có những biện pháp nâng cao uy tín của các nhà vua Đông Dương. Hoàng Đế Bảo Đại nhận thấy cần phải này đã đưa ra một vài cải cách và ban chiếu về danh quốc kỳ của nước Đệ Nam. Quốc kỳ này tên là cờ long tinh, nền vàng với một dải đỏ nằm ngang giữa, hai bên ngang của dải đỏ này bằng 1/3 bên ngang của cờ lá cờ. Cờ long tinh được dùng trên lãnh thổ Đệ Nam, nghĩa là ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, vì Nam Kỳ lúc đó vẫn là thuộc địa của Pháp và vẫn phải dùng lá cờ tam sắc của Pháp.

2. Quốc kỳ thời kỳ: cờ quốc Ly của chánh phủ Trần Trọng Kim Chánh quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương đã bắt quân đội Nhật rút đi ngày 9 tháng 3 năm 1945. Hai ngày sau, Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố độc lập. Chánh phủ được lập đầu tiên được thành lập ngày 17 tháng 4 năm 1945 do nhà cầm giữ Trần Trọng Kim cầm đầu. Quốc hiệu được đặt là Đệ Quốc Việt Nam và theo chương trình hàng quốc kỳ của chánh phủ Trần Trọng Kim ban bố ngày 8 tháng 5 năm 1945 thì quốc kỳ được chọn gọi là cờ quốc Ly. Cờ này cũng nền vàng, ở chính giữa có một quốc Ly màu đỏ. Ly là một trong 8 quốc của bát quái và gồm một vạch liền, một vạch đứt và một vạch liền, biểu trưng của các vạch này chỉ bằng một phần ba biểu trưng chung của lá cờ. Cờ quốc Ly trên nguyên tắc là của của nước Việt Nam gồm có ba kỳ. Nhưng trong thời kỳ, nhà cầm quyền quân sự Nhật đã không trao trả Nam Kỳ ngay cho triều đình Huế. Việc trao trả này chỉ thực hiện ngày 14 tháng 8 năm 1945, nghĩa là 4 ngày sau khi chánh phủ Nhật quy định đưa hàng Đệ Minh và 10 ngày trước khi Hoàng Đế Bảo Đại thoái vị. Do đó, đội di chuyển của triều đình Huế chưa bao giờ được thiết lập của quyền Đệ Nam Việt và cờ quốc Ly đã không được dùng ở đó. Trong thời gian từ ngày Nhật đầu hàng Pháp cho đến khi Việt Minh cầm quyền của chánh quyền của người Đệ Nam Việt thì cờ lãnh thổ này không có quốc kỳ. Lá cờ là di sản của tập các phe phái quốc gia Nam Việt quy tụ tâm tranh đấu cho nền độc lập của Việt Nam thời đó là của của Thanh Niên Tiền Phong, một tổ chức được thành lập ngày 21 tháng 4 năm 1945, sau khi Nhật đầu hàng Pháp, để giúp vào việc cứu trợ những nạn nhân của các cuộc oanh tạc của Đệ Minh và sau đó, tiếp tay vào việc giúp đỡ để ngạo miên Bắc bộ nạn đói. Cờ của Thanh Niên Tiền Phong nền vàng, chính giữa có ngôi sao đỏ. Nó không hề được xem là quốc kỳ, nhưng vì nó là cờ huy động các thanh niên ái quốc Nam Việt cầm đầu vòng vòng và tiến lên tranh đấu với Quân Đệ Việt Chinh

Pháp đã xâm chiếm Nam Việt từ lâu nên tôi thấy có nhiệm vụ phải nhắc đến nó trong bài khảo cứu này về các lá cờ đã được dùng ở Việt Nam.

3. Cờ đỏ sao vàng của tập đoàn Cộng Sản Việt Nam (CSVN) Khi công pháp chính quyền ở Bắc Việt hari tháng 8 năm 1945, tập đoàn CSVN đổi tên Việt Minh đã dùng cờ đỏ sao vàng. Cờ này sau đó được h dùng ở nhiều nơi h chiếm đoạt được và cho đến nay, vẫn được h tiếp tục xem là qu c k .

4. Cờ của Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc Khi chiếm l ở được các thành phố ở Nam Việt, chính quyền Pháp đã khuyến khích phong trào Nam Kỳ tự trị . Ngày 26 tháng 3 năm 1946, h đã cho thành lập Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc, tên Pháp là République de Cochinchine và Cộng Hòa Quốc này đã có mặt qu c k ở n vàng, với 5 s c v t ngang ở giữa g n nh qu c k của ta hiện tại, nh ng thay vì ba s c đ và hai s c vàng nh qu c k của ta, nó g m ba s c xanh và hai s c tr ng chen nhau. Xét về mặt thẩm m , cờ này rất khó coi. Bởi đó, trong nh ng bài trào phúng trong báo Đu c Việt là c quan ngôn luận bán chính thức của X B Nam Việt Đ i Việt Qu c Dân Đ ng lúc y, tôi đã đặt cho nó cái bi t danh là lá c s t rét.

5. Qu c k của chúng ta hiện nay Qu c k của chúng ta hiện nay do mặt h a sĩ n i tiếp ng th i Th Chi n II là Lê Văn Đ v và đã được C u Hoàng B o Đ i ch n trong nhi u m u c khác nhau được trình cho ông trong mặt phiên h p ở Hongkong năm 1948, g m có ông và đ i di n các đoàn th chính trị và tôn giáo cùng mặt s thân hào nh n sĩ v phía ng i qu c gia Việt Nam. Nh m i ng i đ u bi t, nó có n n vàng với ba s c đ và hai s c vàng chen nhau n m v t ngang ở giữa, b ngang của m i s c đ và vàng này b ng nhau và b ngang chung của năm s c b ng 1/3 b ngang chung của lá c . Cờ vàng ba s c đ đã được dùng làm qu c k cho qu c gia Việt Nam khi chính phủ lâm thời Việt Nam được thành lập ngày 2 tháng 6 năm 1948 dưới sự chỉ h của T ng Nguyễn Văn Xuân. Nó đã tiếp tục được dùng suốt th i Đ Nh t và Đ Nh Cộng Hòa Việt Nam, cho đến ngày nay.

C. Ý NGHĨA CỦA LÁ CỜ ĐÃ ĐƯỢC DÙNG LÀM QU C K

Trong các lá c mô t trên đây, cờ vàng sao đỏ không h được xem là qu c k , c s t rét của Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc chỉ là c của mặt chính phủ bù nhìn dùng trên b phận của n c Việt Nam. Vậy, đúng danh nghĩa qu c k chỉ có bốn lá c : c long tinh, c qu Ly, c đỏ sao vàng của tập đoàn CSVN và cờ vàng ba s c đ của ng i qu c gia Việt Nam. Lúc cờ vàng ba s c đ ra đ i, mặt s ng i đã g i chung bốn lá c trên đây là c t linh: c long tinh dĩ nhiên là c long, ch ly trong c qu Ly đ ng âm với ly là con lân, c của tập đoàn CSVN được xem là qui vì nó có ngôi sao 5 nhánh y nh con rùa ló đ u và bốn ch n ra và qu c k của chúng ta là ph ng vì nó có ba s c đ n m song song nhau nh đuôi chim ph ng.

1. Ý nghĩa và màu sắc của b n lá c đ c dùng làm quả c k Đ u đáng đ ý là c b n lá c đ c dùng làm quả c k Vi t Nam đ u g m hai màu vàng và đ . Tuy nhiên, màu sắc của lá c CS n n đ sao vàng có ý nghĩa hoàn toàn khác ba lá c v phía ng i quả c gia Vi t Nam.

a. Ý nghĩa lá c đ sao vàng của t p đoàn CSVN Đ ng k của C ng S n Đ Tam Qu c n n đ trên có búa và li m màu vàng. Quân Đ i C ng S n Nga lúc n i lên c p chánh quy n thì y ngôi sao đ làm bi u hi u. Quả c k của Liên Sô g m huy hi u của Đ ng và Quân Đ i nên cũng n n đ trên có búa li m màu vàng và ngôi sao đ . Nh ng mu n cho ngôi sao đ hi n đ c trên n n đ của lá c , C ng S n Liên Sô đã ph i dùng m t vi n màu vàng bao quanh nó. CSVN đã ph ng theo c Liên Sô đ làm quả c k . Nh ng năm 1945, h còn ph i gi u tách ch t c ng s n của h nên không dám đ búa li m trên quả c k này và ch dùng ngôi sao t ng tr ng cho quân l c c ng s n. Đ i m khác v i Liên Sô là ngôi sao t ng tr ng cho quân l c CSVN màu vàng ch không ph i màu đ vi n vàng. Chúng ta không nên quên r ng hai đ u căn b n trong đ i u l của Đ ng C ng S n Đ Tam Qu c T do Lenin thành l p là ng i tuyên th vào đ ng này ph i xem Liên Sô là t quả c s m t của mình và ph i tri t đ tuân l nh c quan lãnh đ o của Đ ng đ t t i Liên Sô. L y c đ sao vàng làm quả c k , H Chí Minh và t p đoàn CSVN đã bi u l ý mu n xem l c l ng quân s Vi t Nam là m t l c l ng ph đ ch cho Quân Đ i Liên Sô, và nh v y thì dĩ nhiên n c Vi t Nam C ng S n ph i là m t n c ch h u của Liên Sô. Ý mu n này đã đ c th c hi n hoàn toàn sau năm 1975. Lúc CSVN chi m đ c Mi n Nam Vi t Nam, Hoa K đã rút l c l ng quân s kh i Đông Nam Á Châu và s n sàng b t tay v i h . Trung C ng tuy không còn là thân h u và có nh ng hành đ ng ch ng đ i h , nh ng không có s uy hi p quân s đáng k . N u CSVN gi thái đ trung l p gi a Trung C ng và Liên Sô, đ ng th i t ra hòa hoãn v i Hoa K , h đã có th nh s giúp đ của Hoa K đ phát tri n kinh t và đ a vào c Hoa K l n Liên Sô đ hóa gi i áp l c Trung C ng. Nh ng t p đoàn CSVN đã công khai đ ng v phía Liên Sô đ gây h n v i Trung C ng và cho Liên Sô dùng Vi t Nam làm m t căn c quân s ch ng l i Trung C ng, đ ng th i uy hi p l c l ng Hoa K ở Thái Bình D ng. Hi n nay, m i ng i đ u th y rõ n c Vi t Nam C ng S n là m t ch h u của Liên Sô và l c l ng quân s của CSVN ch là l c l ng ph đ ch của H ng Quân Liên Sô. Tuy nh ng đ i u k trên đây ch m i th hi n sau này, nh ng ý đ của t p đoàn CSVN đã bi u l ngay t lúc h l y c đ sao vàng làm quả c k . V y, c đ sao vàng là bi u t ng của tinh th n v ng ngo i ch p nh n làm thu c h của Liên Sô. Nó hàm ý đ cho Liên Sô có quy n can thi p vào n i b Vi t Nam. Đ i v i nh ng ai cho r ng Đ ng C ng S n Đ Tam Qu c T đã b gi i tán năm 1943 nên Liên Sô không có quy n can thi p vào vi c n i b các n c c ng s n ch h u, chúng tôi xin nh c l i r ng Ông Brezhnev, T ng Bí Th Đ ng C ng S n Liên Sô khi bi n minh cho vi c Liên Sô can thi p vào vi c n i b của các n c c ng s n Đông Âu trong th p niên 1960 đã công khai nêu tr c c ng đ ng th gi i thuy t ch quy n h n ch theo đó m t n c xã h i ch nghĩa đàn anh (t c là Liên Sô) có quy n can thi p vào vi c n i b của các n c xã h i ch nghĩa đàn em (trong đó dĩ nhiên là có Vi t Nam) đ b o v các nguyên lý của xã h i ch nghĩa.

b. Ý nghĩa của màu vàng và màu đ của nh ng quả c k v phía ng i quả c gia Màu vàng và

đều có các quốc kỳ về phía ngoài quốc gia thì có một ý nghĩa hoàn toàn khác. Theo một số người Việt Nam, hai màu của các quốc kỳ về phía ngoài quốc gia biểu tượng cho dân Việt Nam da vàng máu đỏ. Tuy nhiên đây có lẽ đã bị nhầm lẫn vì ít người thích về ý nghĩa lá cờ của vàng của đỏ mà Việt Nam Quốc Dân Đảng đã dùng trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái năm 1930. Người ít người thích trên đây không đúng với các quốc kỳ Việt Nam về phía ngoài quốc gia. Các quốc kỳ này thực sự có một ý nghĩa sâu sắc hơn, liên hệ đến vũ trụ quan của dân tộc Việt Nam. Trong vũ trụ quan này, có sự liên hệ một thể thống nhất giữa các màu sắc, phương hướng và ngũ hành. Màu vàng thuộc hành thổ và ở vị trí trung tâm. Vì thế, nó vừa là trung tâm lãnh thổ, vừa là trung tâm cho uy quyền của nhà lãnh đạo tối cao được xem là sự hợp nhất của lãnh thổ này. Các nhà vua Trung Hoa xưa kia cho mình là kẻ làm chủ thiên hạ. Bởi đó, họ tự xưng là hoàng đế đứng trên các quốc vương làm vua một nước, và nên giữ được quyền dùng màu vàng làm y phục. Các nhà vua Việt Nam xưa kia vì thế y hệt các nhà vua Trung Hoa và không muốn có những cuộc chiến tranh liên miên với họ chỉ vì vấn đề danh phận nên đã phải chấp nhận làm chủ hợp nhất của hoàng đế Trung Hoa với việc hiến quốc vương. Người trái với các nhà vua Triều Tiên dùng việc hiến quốc vương trong một trường hợp và không bao giờ dám mặc y phục màu vàng, các nhà vua Việt Nam chỉ dùng việc hiến quốc vương trong sự giao thiệp với Trung Quốc, còn đối với thiên dân trong nước và đối với các nước láng giềng khác, họ đã tự xưng là hoàng đế. Một khác, họ đã mặc y phục màu vàng y như nhà vua Trung Hoa. Như thế, trong tâm thức ngàn đời của dân tộc Việt Nam, việc dùng màu vàng là biểu tượng cho một chủ quyền nguyên vẹn của quốc gia, một nền độc lập hoàn toàn đối với Trung Quốc. Cũng trong vũ trụ quan Việt Nam và Trung Hoa thời trước, màu đỏ thuộc hành hỏa và chủ phương nam. Do đó, dùng màu đỏ làm biểu tượng là nhằm minh chứng trên chủ dân tộc ta là một dân tộc phương nam, đối chiếu với dân tộc Trung Hoa phương bắc. Cùng với việc dùng màu vàng, nó nói lên quan điểm của người Việt Nam tự xem mình là một dân tộc nằm trên chủ quyền của nước mình và ngang hàng với dân tộc Trung Hoa. Quan điểm trên đây đã được Nguyễn Trãi nêu ra rõ ràng trong đoạn đầu của bài Bình Ngô Đại Cáo: “Nhưng ngã Đại Việt chi quốc, thế vì văn hiến chi bang. Sốn xuyên chi công việc ký thù, Nam Bắc chi phong tục dĩc dĩ. Tự Triều Đình Lý Trần chi triêu tượng ngã quốc, dĩ Hán Đường Tống Nguyên nhi các đế nhứt phồn thịnh”. Ý nghĩa chính xác của đoạn văn trên này là: “Nhưng nước Đại Việt ta quốc là một nước văn hiến. Bắc cõi núi sông (của nước ta và Trung Quốc) đã phân biệt nhau mà phong tục (của chúng ta là) dân phương nam cũng khác với phong tục (của người Trung Hoa là) dân phương bắc. Tự nhà Triều Tiên, nhà Đường, nhà Lý, nhà Trần xây dựng nước ta, (các vua ta đã cùng các vua Trung Quốc của) nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên mãi bên dưới làm hoàng đế một phương.” Trong bài này, chúng ta có thể nhận thấy rằng Nguyễn Trãi đã xem nhà Triều Tiên là một triều đại Việt Nam, mặc dù theo phần lớn các sự kiện lịch sử, đó là một triều đại do người Trung Hoa thành lập. Như thế là vì Triều Tiên là người đầu tiên áp dụng nguyên tắc nhằm làm chủ hợp nhất của Trung Hoa để tránh việc tranh chấp, nhưng bên trong nước, vẫn tự xưng là hoàng đế, nghĩa là tự xem mình ngang hàng với nhà vua Trung Hoa. Dựa vào quan điểm của chúng ta đối với nhà Triều Tiên như thế nào thì lập trường chung của dân tộc Việt Nam về sự độc lập hoàn toàn và chủ quyền nguyên vẹn của quốc gia cũng đã được nêu rõ trong bài Bình Ngô Đại Cáo và được thể hiện rõ ràng với hai màu vàng và đỏ dùng trong các quốc kỳ được phía ngoài quốc gia chấp nhận. Vậy, hai màu vàng và đỏ của các quốc kỳ này khác hơn ý nghĩa của cờ đỏ sao vàng được tập đoàn CSVN dùng làm quốc kỳ. Hai màu vàng và đỏ của các quốc kỳ về phía ngoài quốc gia được nêu trên bài Bình Ngô Đại Cáo, một bên văn được một nhà ái quốc Việt Nam viết lên sau khi nước ta được giải phóng khỏi ách đô hộ của người Trung Hoa và biểu lộ tinh thần độc lập của dân tộc. Trong khi đó, cờ đỏ sao vàng của tập đoàn CSVN biểu lộ tinh thần nô lệ, thần thuộc nước ngoài vì được

n n t ng trên nguyên t c t ch c c a C ng S n qu c t ngày nay đ c nêu rõ trong thuy t ch quy n h n ch c a nhà lãnh t Liên Xô Brezhnev, theo đó, Liên Xô có quy n can thi p vào vi c n i b c a các n c theo xã h i ch nghĩa đ b o v ch đ xã h i ch nghĩa.

2. Ý nghĩa đ c bi t c a c qu Ly và c vàng ba s c đ Ngoài ý nghĩa chung v màu s c nói trên đây, c qu Ly và c vàng ba s c đ còn có nh ng ý nghĩa riêng cũng r t sâu s c.

a. Ý nghĩa c qu Ly Nh chúng tôi đã nói trên đây, Ly là m t qu c a bát quái. Cũng nh màu đ , nó t ng tr ng cho ph ng nam. Trong vũ tr quan c a Vi t Nam và Trung Hoa th i tr c, màu đ thu c hành h a, t ng tr ng cho m t tr i hay l a; qu Ly cũng t ng tr ng cho m t tr i, cho l a, cho ánh sáng, cho nhi t l c và v m t xã h i thì t ng tr ng cho s văn minh. V hình đ ng thì qu Ly trên c c a chánh ph Tr n Tr ng Kim g m m t v ch đ li n, m t v ch đ đ t và m t v ch đ li n. Do đó, bên trong qu Ly, hi n lên m t n n vàng g m hai v ch li n và m t v ch đ ng n i li n hai v ch y. Trong Hán văn, đó là ch Công. Ch công này đ c dùng trong các t ng công nh n, công ngh đ ch ng i th và ngh bi n ch các tài nguyên đ ph c v đ i s ng con ng i. V y, ngoài ý nghĩa văn minh r ng r , qu Ly còn hàm ý ca ng i s siêng năng c n m n và s khéo léo c a dân t c Vi t Nam trong các ngành ho t đ ng s n xu t k ngh .

b. Ý nghĩa c vàng ba s c đ

1/ Ý nghĩa chánh tr Trong lá qu c k , n n vàng t ng tr ng cho qu c gia và dân t c Vi t Nam nói chung và ba s c đ t ng tr ng cho ba k . V y, ba s c đ name trên n n vàng hàm ý là n c Vi t Nam g m c ba k và dân t c Vi t Nam g m ng i c a c ba k . Ngày nay, s th ng nh t c a qu c gia và dân t c Vi t Nam là m t đi u không ai ph nh n đ c nên ng i Vi t Nam hi n t i không ý th c đ c s gay go c a cu c tranh đ u đòi th ng nh t trong th p niên 1940, nh t là Nam Vi t. Trong ngôn ng Vi t Nam, ch k có nghĩa là m t ph n đ t c a m t qu c gia ch không hàm ý m t lãnh th bi t l p. Các t ng B c K , Nam K th t s đ đ c tri u đình Hu dùng lúc n c Vi t Nam ch a b ng i Pháp xâm lăng đ ch hai đ a ph ng c a m t qu c gia th ng nh t. Sau khi xâm chi m Vi t Nam, ng i Pháp m i tách Nam K ra kh i lãnh th Vi t Nam, r i dùng t ng Trung K đ ch ph n đ t hai phía b c và nam c a kinh đô Hu . Nam K đ c Pháp tr c ti p cai tr nh m t ph n đ t c a Pháp. B c K và Trung K đ c xem là lãnh th c a nhà Nguyễn ch u s b o h c a Pháp, nh ng t năm 1897, Pháp i ép nhà vua Vi t Nam ph i giao quy n đ i di n mình cho m t Th ng S Pháp thành ra Pháp đã can thi p vào s cai tr đ t này m t cách tr c ti p h n Trung K . Trong h th ng t ch c c a Pháp tr c Th Chi n II, ba k c a Vi t Nam đã đ c xem nh là ba lãnh th bi t l p. Sau Th Chi n II, k ho ch c a Pháp là thành l p m t Liên Bang Đông D ng g m 5 n c là ba k c a Vi t Nam, Cam Bu Chia và Lào. Trong 5 n c này, Nam K là đ t mà Pháp tha thi t mu n n m

giống quy định trong trư c a mình h n h t vì nó đã đ c h tr c ti p cai tr t năm 1867, i là ph n đ t th nh v ng trù phú nh t. B i đó, h đã nh t đ nh không ch p nh n m t n c Vi t Nam th ng nh t g m c ba k . Tháng 3 năm 1946, h đã cho thành l p Nam K C ng Hòa Qu c. Thi u s ng i Vi t Nam theo h lúc đó đã ch ng i quan ni m Vi t Nam th ng nh t m t cách m nh m . Các ph n t quá khích trong nhóm này đã xem đ ng bào g c B c Vi t c trú Nam Vi t trong th i k đó là ng i c a m t n c đ ch và th ng hành hung đ i v i các đ ng bào y. Trong các cu c b ráp hay ch n đ ng xét gi y căn c c, h th ng b t ng i dân nói ba ti ng “Tân S n Nh t”, ng i nào không nói đúng gi ng Mi n Nam thì b h đánh đ p m t cách tàn nh n. Sau m y năm tác chi n Đông D ng, ng i Pháp ý th c r ng h không th áp đ t Vi t Nam m t ch đ th ng tr theo khuôn kh h đ t ra. Vì c n dùng s giúp đ c a Hoa K đ có ph ng ti n tài chánh đ i phó v i CSVN, h ph i ch p nh n đ i u ki n c a Hoa K là nhìn nh n n n đ c l p c a Vi t Nam. B i đó, h đã ti p xúc và th ng thuy t v i C u Hoàng B o Đ i. Tuy nhiên, h ch mu n cho Vi t Nam h ng m t n n đ c l p hình th c, và th c quy n v n còn n m trong tay h . M t khác h không ch p nh n s th ng nh t c a Vi t Nam và tìm m i cách gi riêng Nam K đ i quy n cai tr tr c ti p c a h . Nh đ c Anh Nguyễn Tôn Hoàn t Trung Hoa v cho bi t v tình th và nh n chân r ng ch có C u Hoàng B o Đ i m i có th đ i di n cho ng i qu c gia Vi t Nam trong cu c th ng thuy t v i Pháp nên X B Nam Vi t c a Đ i Vi t Qu c Dân Đ ng đã phát đ ng phong trào đòi thi hành gi i pháp B o Đ i v i m t n c Vi t Nam đ c l p và th ng nh t. Lúc y, ng i Pháp đã đàn áp phong trào này Nam Vi t m t cách m nh m . M t s đ ng chí c a tôi trong đó có Anh D ng Quang Ti p (sau này ph c v trong Quân Đ i và trong ngành c nh sát v i c p b c đ i tá và đã t tr n trong tr i tù c ng s n) đã b Pháp b t và đánh đ p tàn nh n khi r i truy n đ n đòi thi hành gi i pháp B o Đ i. Tuy đ c s y m tr c a Hoa K trong cu c th ng thuy t, C u Hoàng B o Đ i không n m đ c u th hoàn toàn đ i v i Pháp vì lúc đó, Trung C ng đã th ng th h n Trung Hoa Dân Qu c và CSVN có tri n v ng đ c Trung C ng giúp đ trong t ng lai. Ng i Pháp đã cho C u Hoàng B o Đ i bi t r ng n u không th a thu n đ c v i ông, h s th ng thuy t v i H Chí Minh. Nh n th y th i gian không thu n i cho mình, C u Hoàng B o Đ i đã ph i nh ng b cho Pháp v m t đ c l p, nghĩa là ch p nh n đ cho Vi t Nam trong Liên Hi p Pháp v i nh ng m i liên h ch t ch v i Pháp, nh ng c ng quy t đòi Pháp ph i nh n cho Vi t Nam th ng nh t. Ng i Pháp đã ph i nh ng b ông v v n đ này. Nh ng ngay đ n lúc chánh ph Pháp ch p nh n cho Nam K đ c sáp nh p vào lãnh th Vi t Nam, đám th c dân Nam Vi t v n ch a ch u thua và nhi t li t ch ng i v i c ay. Vì Nam K đ c xem là m t lãnh th c a Pháp mà theo n n pháp lý c a Pháp thì m i quy t đ nh liên h đ n qui ch c a đ t này ph i có s ch p thu n c a m t h i ngh đ a ph ng tên là H i Đ ng Lãnh Th Nam K (Assemblée Territoriale de Cochinchine), th c dân Pháp đã đ li u b ra m t s ti n l n đ mua chu c nh ng ng i Pháp và ng i Nam K có qu c t ch Pháp đ c b u vào H i Đ ng đó bi u quy t ch ng i v i v i c sáp nh p Nam K vào lãnh th Vi t Nam. Chúng tôi đã bi t đ c k ho ch này và đã nhi t li t ch trích nó trên hai t báo Đ u c Vi t (c quan ngôn lu n bán chánh th c c a X B Nam Vi t Đ i Vi t Qu c Dân Đ ng) và Thanh Niên (c quan ngôn lu n chánh th c c a m t t ch c do X B này thành l p là Thanh Niên B o Qu c Đoàn). S t cáo c a chúng tôi làm cho ng i Pháp r t c m t c. T ng Boyer de la Tour du Moulin, y Viên C ng Hòa Pháp Nam K lúc đó đã m i m t đ ng chí c a tôi là Anh Đ Văn Năng, Th Lãnh Thanh Niên B o Qu c Đoàn, đ n g p ông và b o r ng: “Xin ông nh cho r ng tôi là ng i Pháp có nhi m v b o v quy n l i c a n c Pháp. Các ho t đ ng c a đoàn th ông có h i cho quy n l i này. Các ông ph i ch m đ t nó hay ít nh t cũng gi m thi u nó, n u không, tôi bu c lòng ph i đ i phó m t cách quy t li t. Tôi s r t ti c n u ph i làm nh v y, vì tôi lúc nào cũng tôn tr ng ông là ng i

2/ Ý nghĩa triết lý Văn minh triết lý, trong bát quái, ba vạch liên là quẻ Càn, tượng trưng cho trời, cho vua, cho cha và cho quẻ liên lạc. Ngày nay, chúng ta sống trong chế độ dân chủ và quẻ Càn trên quẻ坎 có thể dùng để tượng trưng cho quẻ gia và dân tộc Việt Nam và sức mạnh của toàn dân tộc.

3. Quả vàng ba sắc đỏ và quả đỏ sao vàng

a. So sánh quả vàng ba sắc đỏ và quả đỏ sao vàng với mặt trời m. Nói chung thì trên mặt lá có gồm hai màu, mặt trời m, mặt trời thì n màu đỏ m quá nhiều và làm n còn màu trắng quá ít và làm d u hi u ph thu c thì màu trắng b màu đỏ m tràn ngập và lá c trở thành t i. Trái l i, n u màu trắng nhiều hơn và làm n còn màu đỏ m ít hơn và làm d u hi u ph thu c thì màu đỏ m in rõ lên n màu trắng và c hai màu đỏ u sáng chói. Quả c k c a t p đoàn CSVN gồm mặt ngôi sao vàng nh trên n n đỏ, màu vàng c a ngôi sao b n n đỏ s m h n tràn ngập nên ch hi n lean nh m t tia sáng y u t và c lá c xem r t t i. Quả c k c a ng i qu c gia chúng ta trái l i, dùng màu vàng làm n n và ba sắc đỏ s m h n đã hi n rõ lên n n vàng này thành ra c hai màu đỏ u t i sáng. V y, ch xét riêng với mặt trời m, qu c k c a chúng ta t i đ p h n qu c k c a t p đoàn CSVN r t nhi u. Đi u đó cũng không có chi l . Quả c k c a chúng ta do mặt h a sĩ n i ti ng v ra, còn c c a t p đoàn CSVN ch là s mô phỏng n l c m t đ qu c có ch tr ng s t máu và không có ý th c gì v cái đ p.

b. So sánh quả vàng ba sắc đỏ với quả đỏ sao vàng với mặt trời lý N u l y n n tri t lý c truy n c a dân t c Vi t Nam làm căn b n đ phán đoán thì quả vàng ba sắc đỏ c a chúng ta cũng có mặt ý nghĩa t t đ p h n c đ sao vàng nhiều. Theo quan ni m c c a dân t c Vi t Nam, màu vàng thu c hành th và màu đỏ thu c hành h a và vì h a sanh th nên hai màu này r t h p v i nhau. Nh ng trên quả đỏ sao vàng, màu đỏ quá nhiều, màu vàng quá ít, cũng nh kh i l a l n hay m t ánh n ng gay g t nung đ t m t hòn đ t nh thành ra hòn đ t b khô c n đi. Trong khi đó, trên quả vàng ba sắc đỏ, ba sắc đỏ nh nh nh ng tia n ng r i xu ng m t m t đ t r ng rãi làm cho mặt đ t này m áp và có đi u ki n thu n l i cho cây c m c lên đ c. Ý nghĩa v tri t lý trên đây th t ra cũng phù h p v i b n ch t c a ch đ chánh tr hai bên. Ch đ c ng s n là m t ch đ đ c tài toàn di n đ ép nh n dân, ph nh n các quy n l i căn b n c a con ng i, làm thui ch t các sáng ki n nên không th phát tri n đ c. Đ i quy n c a t p đoàn CSVN, n c Vi t Nam đã trở thành m t m nh đ t c n c i không sinh khí và xã h i Vi t Nam l t vào s đối kh cùng c c. Ch đ qu c gia dung n p s t do, tôn tr ng các quy n l i căn b n c a con ng i và khuy n khích sáng ki n nên m c đ u các nhà lãnh đ o v phía qu c gia đã ph m nhi u l i l m tr m tr ng, m c đ u CSVN đã gây nhi u tàn sát và phá ho i, ph n lãnh th Vi t Nam do ng i qu c gia đi u khi n đã là m t m nh đ t đ y sinh khí và nh n dân Vi t Nam trên lãnh th này đã h ng m t n p s ng t ng đ i t do và trù phú h n.

D. V N Đ THAY Đ I QU C K

1. Các l p lu n đ a ra đ ph nh n quả vàng ba sắc đỏ Sau năm 1975, trong c ng đ ng Vi t Nam h i ng i có mặt s ng i ch tr ng ph nh n lá c quả vàng ba sắc đỏ. Trong s nh ng ng i này, có k b o r ng đó là c thua tr n, có k b o r ng đó là m t lá c c a m t ch đ tham nhữg thúi nát, có k cho r ng đó là c c a B o Đ i, c c a Ông Ngô Đình Di m hay c c a Ông Nguyễn Văn Thi u là nh ng ng i lãnh đ o mà h cho là không x ng đáng.

2. Quan niệm chung của người các nước trên thế giới về quốc kỳ. Thực tế thì quốc kỳ một nước thường có ý nghĩa sâu xa liên hệ đến văn hóa và lịch sử dân tộc. Dù cho nó do ai chế ra và chế ra như thế nào thì một khi đã được dùng làm quốc kỳ, nó cũng không còn có thể được xem là của cá nhân nào mà phải được xem là của toàn thể nhân dân trong nước. Bởi đó, sự phân quốc kỳ không thể chuyển vào sự phân một nhà lãnh đạo, vào những người khuyến khích một cái một chế độ hay vào sự thế giới trong một cuộc tranh đấu. Trong lịch sử thế giới, không ai chế tạo nên những quốc kỳ của mình hay thay đổi nó vì các lý do trên. Việc thay đổi quốc kỳ chỉ được đặt ra khi trong nước có những quan niệm chính trị mới hoàn toàn khác quan niệm làm căn bản cho chế độ quốc gia. Như chúng tôi đã nói trên đây, lá quốc kỳ đầu tiên được dùng trên thế giới là của tam sắc của Pháp. Nó là một quốc gia mới sáng tạo nên gia hoàng gia Pháp và nhân dân thế giới Paris. Sau đó, nhà vua Louis thế XVI của Pháp đã chế ra Cách Mạng và bình đẳng, những chính phủ cách mạng Pháp với chính thức lấy lá của tam sắc làm quốc kỳ. Lúc dòng vua chính thống của Pháp được đưa lên ngôi báu trên, họ đã dùng lá cờ trắng có hoa huân vàng của hoàng gia làm quốc kỳ, những cờ này chỉ được dùng từ năm 1816 đến năm 1830. Với cuộc Cách Mạng 1830, dòng Orléans được đưa lên thay dòng vua chính thống và của tam sắc đã được dùng làm quốc kỳ từ đó. Năm 1848, dòng Orléans bị lật đổ. Một số nhà cách mạng khuyến khích đó đã chế tạo nên dùng cờ đỏ thay của tam sắc làm quốc kỳ, những sau một bài diễn văn của thi hào Lamartine, người Pháp đã quyết định giữ của tam sắc. Lúc này, người Pháp lập Đế Chế Cộng Hòa. Những người đầu tiên được bầu làm Tổng Thống của nước cộng hòa này là cháu của Hoàng Đế Napoléon thế I. Năm 1850, ông được chính thức lên ngôi hoàng đế với danh hiệu Napoléon thế III. Đến năm 1870, vì gây chiến với Đức và bị thất bại nên ông phải thoái vị. Quốc Hội Pháp được bầu vào lúc đó gồm nhiều người bỏ hoàng muốn tái lập chế độ quân chủ và tôn làm quốc vương Bá Tước Chambord, người lãnh đạo dòng vua chính thống từ năm 1836. Những Bá Tước Chambord đòi hỏi phải của tam sắc để lấy cờ trắng thêu hoa huân vàng làm quốc kỳ. Những người bỏ hoàng nhiệt tâm nhất đầu tiên bị ràng buộc dân Pháp lúc đó không chấp nhận cờ trắng thêu hoa huân vàng thay của tam sắc nên chế độ thuyết phục Bá Tước Chambord bỏ ý định của ông. Thế nhưng Chén Mac Mahon là một lãnh đạo bỏ hoàng đã bỏ ý định: “Nếu dùng lá cờ trắng thay lá của tam sắc thì không cần ai bỏ mào, súng cũng tự nhiên”. Vì Bá Tước Chambord với khẳng định phải nhận lá của tam sắc nên cuối cùng phe bỏ hoàng phải từ bỏ chế độ tái lập chế độ quân chủ. Thế thì Thế Chiến II, Thế nhưng Chén Pétain đã chịu đầu hàng người Đức trong khi Tướng De Gaulle chạy sang Anh kêu gọi người Pháp kháng chiến. Lúc này, có hai lực lượng Pháp đứng đầu nhau và cả hai đều dùng lá của tam sắc. Để phân biệt hai bên, Tướng De Gaulle chỉ dùng một cây thánh giá Lorraine gồm hai nhánh ngang và một nhánh dọc đặt trên cờ để làm hiệu cho Lực lượng Pháp Quốc Tự Do (LLPQTD) của ông. Đến khi giải phóng nước Pháp, ông đã không vì của của tam sắc đã bị Thế nhưng Chén Pétain dùng trong khi đầu hàng Đức để xin thay đổi nó. Do đó, của tam sắc vẫn là quốc kỳ của Pháp và lá cờ có đầu thế Pétain chỉ được xem là hiệu cho của LLPQTD. Nói chung từ thế kỷ năm 1789, Pháp có ba quan niệm chính trị căn bản thế hiện bằng ba lá cờ: quan niệm quân chủ chính thống với cờ trắng thêu hoa huân vàng, quan niệm cách mạng thế phái với cờ đỏ và quan niệm dân chủ thế do với của tam sắc. Của tam sắc biểu thị những nguyên lý chung của đa số dân Pháp nên đã được chọn làm quốc kỳ và các mưu toan thay đổi nó đều không thành tựu được.

3. Nhiệm vụ người quả c gia Việt Nam đối với quả c k n n vàng ba s c đ Người quả c gia Việt Nam ta may mắn có một lá quả c k r t đ p và oai hùng. Ph i th y c này bay ph p ph i trên m t n n tr i trong xanh m i th y h t cái đ p oai hùng đó. M t khác, c vàng ba s c đ mang nhi u ý nghĩa tri t lý và chánh tr tuy t h o, h n h n lá c đ sao vàng ch ng đ i l i nó. T khi Quả c Gia Việt Nam đ c công nh n là m t n c đ c l p, c vàng ba s c đ đã đ c nhi u quả c gia trên th gi i bi t. T i Việt Nam, nó đã là bi u t ng h i t p nhi u tri u chi n sĩ quân nh n cũng nh dân s tranh đ u cho s t do c a dân t c Việt Nam. Nó đã đ c dùng đ ph lên áo quan c a nhi u trăm ngàn ng i đã ch t vì T Quả c Việt Nam. Nh v y, nó là m t b o v t thiêng liêng đ i v i m i ng i chúng ta. Hi n nay, quả c k n n vàng ba s c đ không còn đ c chánh th c dùng bên trong n c Việt Nam, nh ng m i ng i Việt Nam quả c n i đ u bi t r ng nó là lá c t ng tr ng cho n n đ c l p và t do c a T Quả c, ch ng l i ch đ c ng s n tàn ác, phi nh n và nô l ngo i bang. Bên ngoài Việt Nam, nó cũng đ c ng i ngo i quả c xem là bi u t ng c a phía ng i Việt Nam ch ng l i C ng S n. Không bi u t ng nào khác có th thay th c vàng ba s c đ v các m t này. V y, v i c t lòng tôn tr ng quả c k n n vàng ba s c đ và dùng nó m t cách r ng rãi n i nào có ng i quả c gia Việt Nam là m t công cu c đóng góp l n vào v i c gi i phóng đ t n c kh i ách C ng S n. V i c m t h i đoàn Việt Nam dùng làm hi u k m t lá c n n vàng ba s c đ trên có bi u t ng riêng cho mình là m t đ i u h u ích cho công cu c tranh đ u ch ng l i C ng S n. Khi Liên Minh Dân Ch Việt Nam (LMDCVN) áp d ng nguyên t c trên đây và thêm 5 ngôi sao 5 nhánh màu xanh trên c vàng ba s c đ đ làm đoàn k c a mình, m t s ng i đã ch trích vì cho r ng nh v y là b t kính đ i v i quả c k . Nh ng s th t không ph i nh v y. V i c dùng m t bi u hi u thêm vào quả c k đ làm hi u k cho m t t ch c tranh đ u cho T Quả c là m t đ i u mà ng i các n c đã t ng làm. Nh trên đây đã nói, khi thành l p LLPQTD đ ch ng l i chánh ph Pétain, T ng De Gaulle đã dùng m t cây th p t Lorraine thêm vào quả c k Pháp. V y, v i c đoàn k c a LMDCVN là m t quả c k trên có 5 ngôi sao 5 nhánh màu xanh ch hàm ý r ng LMDCVN là m t t ch c c a VNCH tranh đ u đ i lá quả c k Việt Nam, và 5 ngôi sao 5 nhánh màu xanh ch đ phân bi t nó v i nh ng t ch c tranh đ u khác nh ng cùng m t m c tiêu chung. Trong khi ch a gi i phóng đ c Việt Nam và ch a làm cho nó đ c chánh th c dùng tr l i trên toàn cõi Việt Nam, nhi m vụ ng i Việt Nam h i ngo i là làm cho c này v n đ c s d ng m i n i có ng i quả c gia Việt Nam, đ c bi t là trong nh ng ho t đ ng có liên h đ n ng i ngo i quả c. V m t này, chúng ta ph i ghi công c Đ i Tá Đ Đẳng Công, nguyên T ng Th Ký c a Phân B Việt Nam trong Liên Minh Th Gi i Ch ng C ng (LMTGCC). Sau năm 1975, lúc CSVN v a chi m đ c Mi n Nam Việt Nam, ban t ch c c a liên minh này đã không còn dùng c vàng ba s c đ trong các phiên h p c a h . Nh ng b ng nh ng l i l h p lý, c ng quy t và c m đ ng, c Đ i Tá Đ Đẳng Công đã làm cho h thay đ i ý ki n và t đó, quả c k c a chúng ta đã đ c long tr ng dùng chung v i c c a các n c h i viên khác c a LMTGCC m i n i. Ngoài ra, còn có nh ng ng i khác cũng có nh ng công tác t ng t . Khi đ n thuy t trình v v n đ Việt Nam i Vi n Đ i H c OSU (Oregon State University) t i Cornvallis ngày 30 tháng 11 năm 1987, tôi đ c bi t r ng các anh ch em sinh viên Việt Nam i Vi n Đ i H c này đã hai l n tranh đ u v i ban giám đ c đ cho c vàng ba s c đ v n đ c treo v i t cách là quả c k Việt Nam m t h i tr ng tr ng bày c các n c. Phía Canada thì C ng Đ ng Việt Nam đã tranh đ u đ cho th xã Toronto ch p nh n đ cho quả c k Việt Nam đ c treo lên m t tu n l m i năm t i k đài c a th xã vào đ p 30 tháng 4. T i Los Angelès (California) thì C ng Đ ng Việt Nam đã đ c ch p nh n cho xây d ng m t k đài đ quả c k Việt Nam s đ c treo liên t c su t năm. T i San Jose (California), C ng Đ ng Việt Nam cũng s xây d ng m t k đài t ng t *. Ngoài ra, trong đ p T t M u Th n, quả c k Việt Nam đã đ c treo trong su t m t tu n l t tr s các t nh Santa

Clara, thị xã San José và thị xã Milpitas. Có lẽ trên thế giới còn có những nơi mà đồng bào Việt Nam đã tranh đấu và thành công trong việc làm cho quốc kỳ non vàng ba sắc đỏ được công đồng quốc tế chấp nhận treo lên mà chúng tôi không được biết nên không nêu ra đây được. Riêng Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do (UBQTYTVNTD) thì dĩ nhiên là chánh thức công nhận quốc kỳ này. Ngày 4 tháng 12 năm 1986, khi tổ chức buổi hội thảo công khai đấu tiên của Ủy Ban, Ông Chủ tịch Paul Vankerhoven đã đích thân kiểm soát việc trang trí phòng hội thảo. Tại phòng này, quốc kỳ non vàng ba sắc đỏ đã được treo chung với các quốc gia trong Công Đồng Âu Châu và được biết là được treo ở chỗ danh dự là ngay bên hữu của Bàn là của của nước chủ nhà. Chỗ chỗ này là trong một cuộc hội họp công cộng của UBQTYTVNTD mà có treo cờ thì quốc kỳ của chúng ta sẽ được treo chung với các nước khác. Việc quốc kỳ của chúng ta lần lần tái hiện bên cạnh các quốc gia khác trên thế giới là một dấu hiệu cho thấy rằng công cuộc tranh đấu để giành lấy độc lập cho Việt Nam không chỉ có những người quan. Hiện nay, quốc kỳ này là biểu hiệu của hội đồng dân tộc quốc gia Việt Nam: đấu có bất đồng ý kiến, đấu có những hình thức khác nhau, một người quốc gia đấu nên tôn trọng quốc kỳ và nếu một người đấu quy tụ tâm tranh đấu chung nhau hay ít nhất cũng song song nhau thì một ngày không xa lắm, quốc kỳ non vàng ba sắc đỏ sẽ phấp phới bay trên mái nóc nhà Việt Nam từ mũi Cà Mau cho đến mũi Nam Quan.

II. QUỐC CA VIỆT NAM

A. SỰ XUẤT HIỆN CỦA Ý NIỆM QUỐC CA TRONG LỊCH SỬ NHỮNG LOÀI

Ý niệm quốc ca đã từng xuất hiện một thời kỳ với ý niệm quốc kỳ. Từ ngàn xưa, loài người đã có dùng những bản nhạc hay bài ca để đánh dấu sự có mặt của một nhóm vật lãnh đạo. Những thứ trống, vó chèo, quân cờ, các bản nhạc hay bài hát loài này được xem là biểu tượng riêng của cá nhân nhà vua, nhà quý tộc hoặc nhà đi diên cho các chức vụ của công đồng. Với nội dung, nó có thể là một bài để cho nhóm vật lãnh đạo này cứu nguy trợ giúp hay thần linh phù hộ ông, một bài chúc tụng ông, để ca ngợi nghiệp của ông hay của gia tộc ông, hay một bài mô tả cảnh thái bình thịnh trị, hoặc sự công đồng thịnh của công đồng mà ông là chủ nhân. Cho với cuộc Cách Mạng Pháp năm 1789, khi quốc gia được xem là sự hữu của toàn thể mọi người sống trong công đồng mới có bài hát được dùng làm biểu tượng chung cho toàn thể quốc dân. Người Pháp đã dùng tiếng hymne national để cho loài bài hát này. Quan niệm của người Pháp lớn lớn được người nước khác chấp nhận và người thu thập các dân tộc nói tiếng Anh đã dùng tiếng national anthem khi nói đến bài hát tiêu biểu cho nước mình. Hymne national của Pháp hay national anthem theo tiếng Anh đã được người Việt Nam chúng ta dịch là quốc thiều nếu như nhìn trên phương âm nhạc, hay quốc ca khi nhìn một cách trên phương lý nói. Với phương thức hiện tại thì bản quốc ca đấu tiên trên thế giới là bài Marseillaise của Pháp. Bài này do một đội ủy công binh Pháp tên Rouget de Lisle làm năm 1792 với tên là Chiến Ca Của Lực Quân Sông Rhin (Chant De Guerre Pour l'Armée Du Rhin). Những sau đó, nó được người tiếng khi được một tiểu đoàn chỉ huy quân gọi là người gọi là thị xã Marseille hát trong lúc kéo từ Marseille lên thị trấn Paris nên có tên danh là bài Marseillaise. Bài hát này đã được phổ biến rộng rãi ở Pháp từ năm 1792 và đến năm 1795, nó đã được chánh thức chọn làm quốc ca của Pháp. Sau khi người Pháp tung ra ý niệm quốc ca, nhiều nước khác đã chấp nhận ý niệm này và đấu có quốc ca. Có

khi quốc ca được chọn là một bài đã được dùng để đánh dấu sự hiên diện của nhà vua. Đó là trường hợp bài God Save The King (Trời Phù Hộ Vua) hay God Save The Queen (Trời Phù Hộ Nữ Hoàng) nếu quốc trường là một nữ hoàng. Bài này đã được dùng ở Anh từ trước Cách Mạng Pháp, nhưng đến năm 1825 mới được chính thức xem là quốc ca của nước Anh.

B. CÁC BẢN NHẠC ĐÃ XUẤT HIỆN Ở VIỆT NAM VÀI THỜI CÁCH LÀ QUỐC THỊU VÀ QUỐC CA

1. Quốc ca xuất hiện đầu tiên: bản Dăng Đàn Cung của Hoàng Đế Bảo Đại ở Việt Nam trước đây, cũng như các nước quân chủ chế khác, có những bản nhạc và bài hát được dùng trong các lễ long trọng để đánh dấu sự hiên diện của nhà vua. Với niềm quốc thiều hay quốc ca, nó chọn xuất hiện ở nước ta khi dân tộc ta bước vào ách thống dân Pháp. Tuy nhiên, trong quá trình thiếp Pháp thuộc, dân Việt Nam vốn chưa có quốc thiều và quốc ca. Nam Kỳ lúc này là thuộc địa Pháp và khi có các cuộc lễ lớn thì bản nhạc được dùng là bài Marseillaise của người Pháp. Ở Huế thì triều đình nhà Nguyễn có một số bản nhạc được dùng khi có sự hiên diện của nhà vua. Nhưng các bản nhạc trên đây không phải là quốc thiều hay quốc ca theo đúng nghĩa kim thời của nó. Đến thời Thế Chiến II, Hoàng Đế Bảo Đại mới chọn để nhạc quốc thiều và quốc ca một lần với quốc kì. Bản quốc thiều và quốc ca này là bản Dăng Đàn Cung. Đó là một bản nhạc cổ điển của Việt Nam và được triều đình Huế dùng khi nhà vua ngự đến đài Nam Giao để diễn diện cho tất cả thần dân làm lễ tế trời. Lúc này ba năm chế hành một lần và được xem là cuộc lễ quan trọng hơn hết của triều đình. Do đó, bản Dăng Đàn Cung được xem là bản nhạc trang nghiêm nhất. Vì vậy, Hoàng Đế Bảo Đại đã dùng nó làm quốc thiều và quốc ca trong khi còn tình được chọn làm quốc kì. Cũng như chế long tinh, bản Dăng Đàn Cung chỉ được dùng trên lãnh thổ Đại Nam tức là Trung Kỳ và Bắc Kỳ, còn ở Nam Kỳ bản xem là lãnh thổ Pháp thì bản Marseillaise vẫn phải được dùng.

2. Quốc ca thời: bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông thời chính phủ Trần Trọng Kim Sau khi Nhật để chính Pháp và Việt Nam tuyên bố độc lập, chính phủ Trần Trọng Kim đã ban bố một chế độ ng trình hoàng quốc ngày 8 tháng 5 năm 1945, trong đó bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông của nhạc sĩ Hùng Lô được chọn làm quốc ca. Lời ca của bản nhạc này như sau:

Việt Nam, minh châu trời Đông!
Việt Nam, nước thiêng Tiên Rồng!
Non sông như ngọc hoa uy linh một phụng,
Xây vịnh quang ngút cao bên Thái Bình Đông.
Trần ngàn xưa tài danh lẫy lừng khắp nơi.
Tiếng anh hùng tiếng ghi núi sông muôn đời.
Máu ai còn nhuộm ngọc hoa
Giặc đem tằm thân xưa với sông hà.

Gi tay c ng quy t, Ta ôn i th c.
Hy sinh tâm huy t, Ta báo đ n n n c.
Đ u thân này nát tan tành gói da ng a cũng cam,
Th tr n ni m trung thành v i s n hà n c Nam.

B n qu c ca này đ c dùng chung v i c qu Ly B c và Trung Vi t, nh ng không đ c dùng ở Nam Vi t vì Nam Vi t đã b ng i Nh t thay ng i Pháp đ u khi n m t cách tr c ti p và ch đ c tr cho tri u đình Hu lúc Hoàng Đ B o Đ i đã s p thoái v r i. V y, trong th i k t khi ng i Nh t đ o chánh Pháp cho đ n khi M t Tr n Vi t Minh c ng c đ c chánh quy n c a nó ở Nam Vi t, c lãnh th này không có qu c ca. Bài hát đ c ng i qu c gia Nam Vi t dùng khi đ ng lên tranh đ u cho n n đ c l p c a Vi t Nam th i đó là bài Thanh Niên Hành Khúc hay Ti ng G i Thanh Niên c a Thanh Niên Ti n Phong, chung v i c vàng sao đ cũng c a t ch c này. Nh chúng tôi s trình bày sau đây, b n nh c c a bài Thanh Niên Hành Khúc hay Ti ng G i Thanh Niên này chính là b n nh c c a bài qu c ca mà chúng ta đang dùng.

3. Qu c ca th ba: b n Ti n Quân Ca c a t p đoàn CSVN Khi c p đ c chánh quy n, t p đoàn CSVN đã dùng làm qu c ca b n Ti n Quân Ca c a nh c sĩ Văn Cao. B n nh c này đã đ c h b t đ u dùng khi t ch c các đ n v võ trang đ u tiên và cho đ n nay, v n đ c h dùng làm qu c ca.

4. Qu c ca c a Nam K C ng Hòa Qu c Khi Nam K C ng Hòa Qu c thành l p năm 1946, nh ng ng i c m đ u phong trào Nam K T Tr đã dùng làm qu c ca m t b n ph nh c c a m y câu th đ u trong Chinh Ph Ngâm Khúc mà tác gi là Giáo Sĩ Võ Văn Lúa, m t giáo s trung h c th i Pháp thu c. Sau đó, Nam K C ng Hòa Qu c l i dùng m t b n nh c khác cũng c a v giáo s này làm qu c ca, nh ng v nh c và l i, b n sau này cũng ch ng h n gì b n tr c. Các b n qu c ca quái đ n trên đây th t x ng v i lá c s t rét dùng làm qu c k cho Nam K C ng Hòa Qu c. Nó đã là m t đ tài ch gi u c a ng oi dân Nam Vi t lúc đó và ngày nay nh c l i nó, chúng tôi không bi t nên c i hay nên khóc vì tuy h t s c l b ch, nó đã đ c dùng làm bi u t ng cho m t t ch c ch ng l i n n th ng nh t c a Vi t Nam và đã gây nhi u đau kh ch t chóc cho nh ng ng i tranh đ u cho n n th ng nh t này.

5. Qu c ca c a chúng ta ngày nay B n qu c ca c a chúng ta hi n nay có m t l ch s đ c bi t. Ng i sáng tác b n nh c là L u H u Ph c, m t c u h c sinh tr ng trung h c Pétrus Ký và c u sinh viên Vi n Đ i H c Hà N i. N u tôi không l m thì b n nh c này đã đ c so n ra lúc L u H u Ph c còn h c ở tr ng Pétrus Ký. Năm 1942, anh ta là sinh viên c a Vi n Đ i H c Hà N i. Th i Th Chi n II, Vi n Đ i H c này là Vi n Đ i H c duy nh t c a các n c Đông Đ ng. Nó có kho ng 800 sinh viên trong đó phân n a là ng i Vi t Nam, còn l i là ng i Khmer, ng i Lào, ng i Pháp và ngay c ng i m t s n c láng gi ng nh Trung Qu c và

các n c Đông Nam Á Châu. Vì là Vi n Đ i H c duy nh t c a Đông D ng nên Vi n Đ i H c Hà N i đã h p t p t t c sinh viên Vi t Nam th i đó. Các sinh viên ái qu c gia nh p các chánh đ ng cách m ng tranh đ u cho n n đ c l p c a Vi t Nam đã t ch c nh ng t bí m t t i đó. Đ c bi t Đ i Vi t Qu c Dân Đ ng có đ ng tr ng Tr ng T Anh và m t cán b n ng c t là Anh Nguyễn Tôn Hoàn h c t i Vi n Đ i H c Hà N i th i Th Chi n II. Anh Nguyễn Tôn Hoàn là ng i gi i v nh c nên đ c b u làm Tr ng Ban Âm Nh c c a T ng H i Sinh Viên Đông D ng (Association Générale des Étudiants Indochinois) và anh đã lãnh nhi m v bí m t h ng đ n các sinh viên ho t đ ng v văn hóa theo chi u h ng tranh đ u ch ng th c dân. Chi u ngày 15 tháng 3 năm 1942, T ng H i Sinh Viên Đông D ng (THSVĐD) đã t ch c t i Đ i Gi ng Đ ng c a Vi n Đ i H c Hà N i m t bu i hát đ l y ti n giúp các b nh nh n nghèo c a các b nh vi n đ c dùng làm n i th c t p cho các sinh viên Khoa Y D c. Các sinh viên Vi t Nam đóng vai tu ng ch đ ng trong T ng H i đã quy t đ nh nh n c h i này tung ra m t b n nh c đ c bi t là Sinh Viên Hành Khúc, tên Pháp là Marche des Étudiants. Anh Nguyễn Tôn Hoàn đ c y nhi m ch n b n nh c dùng vào công vi c đó. Lúc y, L u H u Ph c đã đ a cho anh m t s bài nh c do anh ta so n. Anh Nguyễn Tôn Hoàn nh n th y r ng trong t t c các đ th o c a L u H u Ph c, b n nh c mà chúng ta hi n dùng làm qu c thi u có tánh cách khích đ ng tinh th n tranh đấu h n h t nên đã ch n nó làm nh c cho Sinh Viên Hành Khúc. Sau đó, m t y ban so n i ca cho b n nh c này đã đ c thành l p v i Đ ng Ng c T t, Mai Văn B , Hu nh Văn Ti ng, Phan Thanh Hòa, Hoàng Xuân Nh . L i ca này g m ba đo n v i m t đi p khúc chung:

I. Đây sinh viên i! Đ ng lên đáp i sông núi!

Đ ng lòng cùng đi, đi, m đ ng khai i.
Vì non sông n c x a, truy n muôn năm ch quên,
Nào anh em B c Nam! Cùng nhau ta k t đoàn!
H n thanh xuân nh g ng trong sáng,
Đ ng ti c máu nóng, tài xin ráng!
Th i khó, th khó, khó làm y u ta,
Đ u muôn chông gai v ng lòng chi sá.
Đ ng m i kíp phóng m t nhìn xa b n ph ng,
Tung cánh h n thi u niên ai đó can tr ng.
(Đi p khúc) Sinh viên i! Ta quy t đi đ n cùng!
Sinh viên i! Ta th đem h t lòng!
Ti n lên đ ng ti n! V vang đ i s ng! Ch quên r ng ta là gi ng L c H ng!

II. Đây sinh viên i! Đ u x a v t còn ch a xoá!

Hùng c ng tr i Nam, ghi trên b ng vàng bia đá!
Lùa quân Chiêm nát tan, thành công Nam t n luôn,
Bình bao phen T ng Nguyên, t ng ca câu kh i hoàn.
H Tây tranh phong oai son ph n, L ng ti ng Sát Thát Tr n Qu c Tu n.
Mài ki m c u n c nh ng i núi Lam,
Tr Thanh, Quang Trung gi t h ng bao đám.
Nòi gi ng có khí phách t x a ch quên,
Mong đ n ngày v vang, ta th p h ng nguy n.
(Tr i đi p khúc)

III. Đây sinh viên i! Mu n đi đ n ngày t i sáng,

Hành trình còn xa, chúng ta ph i cùng nhau g ng!
Ngày x a ai bi t đem tài cao cho núi sông,
Ngày nay ta cũng đem lòng son cho gi ng dòng.
Là sinh viên vun cây văn hoá, T tr c s n có nhi u hoa lá.
Đ i m i ki n thi t đáp lòng nh ng ai H ng mong ta ra v ng c m tay lái.
B n chí quy t c g ng làm cho kh p n i Vang ti ng ng i n c Nam cho đ n muôn đ i!
(Tr i đi p khúc)

Các i ca ti ng Vi t nh trên đây đ c dùng cho sinh viên Vi t Nam và có m c đích thúc đ y
ng i Vi t Nam tranh đ u cho đ t n c Vi t Nam. Nh ng vì nh trên đã nói, Vi n Đ i H c Hà
N i lúc y còn có nhi u sinh viên không ph i Vi t Nam nên ngoài i ca ti ng Vi t, i còn có i
ca ti ng Pháp đ m i sinh viên c a Vi n đ u có th dùng nó đ c. i ca ti ng Pháp này dĩ
nhiên là không th nói riêng v Vi t Nam mà ph i nói đ n c Đông D ng đ cho phù h p v i
tên THSVĐD. i ca ti ng Pháp cũng do y ban nói trên đây so n ra:

Étudiants! Du sol l'appel tenace
Pressant et fort, retentit dans l'espace.
Des côtes d'Annam aux ruines d'Angkor,
À travers les monts, du sud jusqu'au nord,
Une voix monte ravie: Servir la chère Patrie!
Toujours sans reproche et sans peur
Pour rendre l'avenir meilleur.
La joie, la ferveur, la jeunesse
Sont pleines de femmes promesses.
(Đi p khúc) Te servir, chère Indochine,
Avec coeur et discipline, C'est notre but, c'est notre loi

Et rien n'ébranle notre foi!

Buổi hát chiều ngày 15 tháng 3 năm 1942 đã đưa đến những kết quả mãn và buồn Sinh Viên Hành Khúc tên Pháp là Marche des Étudiants đã được chánh thức công nhận là buổi nhấc cờ của THSVĐD. Mùa hè năm đó, Tiếng Hời này lại tiếp tục một buổi lễ mãn khóa tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Lần này, có Toàn Quyền Đông Dương và nhiều viên chức cao cấp Pháp khác đến dự. Buổi Sinh Viên Hành Khúc được dàn nhạc của Hội Quân Pháp trình tấu. Âm điệu hùng hồn của nó đã làm mọi người khích động và khi nó được trình lên, tất cả mọi người tham dự lễ mãn khóa năm 1942 của Việt Nam Đông Hà Nội, kể cả các viên chức cao cấp Pháp, đều đã nghiêm chỉnh đứng dậy chào nó. Sau đó, nó được phổ biến khắp nơi. Các sinh viên Pháp, Khmer và Lào dĩ nhiên là theo lời ca Pháp. Về phía Việt Nam thì các sinh viên chỉ lo đi học chứ không có nhiệt tâm tranh đấu chánh trị cũng chỉ biết có lời ca Pháp. Phần các sinh viên Việt Nam có nhiệt tâm tranh đấu cho nên được cấp của dân tộc thì đem ra phổ biến khắp nơi ba kỳ trong kỳ nghỉ hè năm đó với lời ca tiếng Việt, nhất là do người nói trên đây. Vì thế, từ năm 1943, bài Sinh Viên Hành Khúc đã được người Việt Nam học ba kỳ biết. Năm 1945, sau khi Nhật đầu hàng Pháp, Thanh Niên Tiền Phong được thành lập ở Nam Việt và lấy buổi nhấc trên đây làm đoàn ca. Tên buổi nhấc được đặt lại là Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên. Về lời thì hai chữ sinh viên được thay bằng hai chữ thanh niên. Lúc người Pháp trở lại chiếm Nam Việt cuối năm 1945, Thanh Niên Tiền Phong đã huy động người ái quốc Việt Nam ở Nam Việt đứng lên chống lại họ dưới lá cờ vàng sao đỏ và buổi Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên. Năm 1948, trong phiên họp lần thứ 3 ở Hồng Kông giữa Cộng Hòa và một số thân hào nhân sĩ cùng đến diện các đoàn thể chánh trị và tôn giáo ở Việt Nam, Anh Nguyễn Tôn Hoàn đã đề nghị lấy buổi nhấc của Thanh Niên Hành Khúc làm quốc thiều cho Quốc Gia Việt Nam. Hội nghị đã đồng ý và tên buổi nhấc được đặt lại là Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Về lời ca, do người của bài Thanh Niên Hành Khúc nói trên đây đã được dùng, với hai chữ công dân thay cho hai chữ thanh niên. Ngày 2 tháng 6 năm 1948, chánh phủ lâm thời Việt Nam được thành lập với Tổng Ng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ Tướng và Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân được chánh thức dùng làm quốc ca. Lúc Ông Ngô Đình Diệm lên nắm Quốc Trưởng ng Bão Động đã trở thành lập chế độ cộng hòa, Quốc Hội Lập Hiến được bầu năm 1956 đã có một văn bản chọn một bài quốc ca khác. Tuy nhiên, lúc đó, phần lớn các buổi nhấc được đề nghị dùng làm quốc ca đều không đủ tiêu chuẩn để được chấp nhận. Bài duy nhất được xem là xứng đáng làm quốc ca chính là bài Việt Nam Minh Châu Trĩ Đông của nhạc sĩ Hùng Lân đã được chánh phủ Trần Trọng Kim chọn làm quốc ca năm 1945. Tuy nhiên, hai Ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu cuối cùng đã không chấp nhận vì dùng buổi Việt Nam Minh Châu Trĩ Đông làm quốc ca vì một lý do được biết. Năm 1945, hai Đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD) và Đảng Việt Quốc Dân Đảng (ĐVQDD) đã sáp nhập lại làm một với tên chung là Quốc Dân Đảng và Đảng này đã lấy bài Việt Nam Minh Châu Trĩ Đông làm đảng ca. Sau đó, VNQDD và ĐVQDD lại tách nhau ra, nhưng cả hai đều giữ đảng ca Việt Nam Minh Châu Trĩ Đông. Vì biết được việc này nên hai anh em Ông Diệm đã không chấp nhận buổi nhấc này làm quốc ca. Rồi cuối cùng, Quốc Hội Lập Hiến năm 1956 đã quyết định giữ lại buổi Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân làm quốc ca, nhưng đổi lại lời như sau:

Này công dân ơi! Quốc gia đời này ngày giờ phóng.
Đừng lòng cùng đi, hy sinh vì cái gì thân sống!
Vì thế này lại quốc dân, cùng xông pha khói tên,
Làm sao cho núi sông này luôn vững bền.
Đưa cho thầy phải trên giảng đường,
Thù nước thù y máu đào đem báo.
Nói giờ này lúc bình an phải cần giờ nguy,
Ngươi công dân luôn vững bền tâm trí,
Hùng tráng quyệt chí đưa làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đời muôn đời!
(Điệp khúc) Công dân ơi! Mau hiến thân đời vì nước!
Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ
Thoát khỏi tàn phá, vững vang đời sống
Xứng danh ngàn năm dòng giống Lạc Hồng.
Bên nhạc và lời ca này đã được dùng suốt thời Đệ Nhị và Đệ Nhị Cộng Hòa cho đời này nay.

C. VỊNH ĐỒ THAY ĐỔI QUỐC CA

Nói tóm lại, trên các bản nhạc vô duyên đã được Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc dùng làm quốc ca, nhạc thời sự không thể xem là quốc ca được, dân tộc Việt Nam có thể thay bản bản nhạc xứng đáng với danh nghĩa quốc ca là Đăng Đàn Cung, Việt Nam Minh Châu Trĩ Đông, Tiếng Quân Ca và Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Bản bản quốc ca này đã được dùng song song với bản lá quốc kỳ: bản Đăng Đàn Cung với cờ long tinh, bản Việt Nam Minh Châu Trĩ Đông với cờ quỳ Ly, bản Tiếng Quân Ca với cờ đỏ sao vàng và bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân với cờ vàng ba sọc đỏ

. 1. So sánh các bản quốc ca với nhau Bản Đăng Đàn Cung là bản nhạc cổ điển Việt Nam thuở lo ngại nhà nước. Lo ngại nước này có tánh cách nghiêm trang và ôn hòa, trái với dân nước là lo ngại nước bị uất tình cảm mất cách nghiêm nghị và chế độ được dùng trong việc giữ trí hay hời hợt vui chơi. Bản Đăng Đàn Cung là một bài nhã nhạc dùng trong lễ tế Nam Giao của nhà vua. Do đó, nó có tánh cách trang trọng, nhạc không hùng hồn và không kích động tình cảm người nghe. Bản Việt Nam Minh Châu Trĩ Đông là một bản tân nhạc có tánh cách kích động hùng hồn bản Đăng Đàn Cung, nhạc cái hùng của nó là lo ngại trỗi dậy nên không kích động tình cảm người nghe bằng bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Vì là một hành khúc, bản quốc ca hiện nay của chúng ta kích động tình cảm người nghe một cách mạnh mẽ hơn. Một khác nữa, hoàn toàn khác biệt đã làm cho nó đóng một vai trò tích cực trong cuộc tranh đấu cho nền độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam. Thời Thế Chiến II, với tên là Sinh Viên Hành Khúc, nó đã được dùng để đánh thức tinh thần tranh đấu của nhân dân Việt Nam. Đến lúc người Pháp đem binh đến tái chiếm Nam Việt, dưới tên Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên, nó đã được dùng để thúc đẩy các chiến sĩ căm thù mòng vuốt nhún đứng lên tranh đấu với Quân Địch Việt Chỉnh Pháp. Khi người Pháp chánh thức nhìn nhận nền độc lập và thế này nước Việt Nam, nó đã thành bản quốc ca với tên là Quốc Dân Hành Khúc hay

Tiếng Gọi Công Dân. Bên Tiếng Quân Ca của CSVN cũng có tánh cách khích động tinh thần người nghe như bên quốc ca của chúng ta. Nhưng với lời ca thì hình thức Sinh Viên Hành Khúc qua Thanh Niên Hành Khúc đến Quốc Dân Hành Khúc, bên quốc ca của chúng ta thì u là nói đến “thù nước lay máu đào đem báo”, còn Tiếng Quân Ca với lời “tho phan thây u máu quân thù” rõ là sớt máu quá và có thể làm cho người xem dân tộc Việt Nam là dã man. Với mặt chánh trị, bên Thanh Niên Hành Khúc đã được dùng để thúc đẩy các thanh niên ái quốc Nam Việt cộng tmm vòng với những chàng trai Quân Đội Việt Nam Chính Pháp trong khi bên Tiếng Quân Ca đã được trở lại để chào đón Quân Đội này lúc họ bước ra Bắc Việt theo sự thỏa thuận với Hồ Chí Minh trong Sự kiện ngày 6 tháng 3 năm 1946. Sau đó, nó đã được dùng khi bước đến Việt Minh cùng với bước đến Pháp hợp tác nhau trong Ban Liên Kiêm Việt-Pháp để tiến đánh các chiến khu của Đội Việt Quốc Dân Đng, Việt Nam Quốc Dân Đng và Việt Nam Cách Mạng Đng Minh H.

2. Lý luận của những người muốn đổi quốc ca Nhưng những người muốn đổi quốc ca đã đưa ra nhiều lý luận khác nhau. Trong các lý luận được đưa ra, chỉ có một cái đáng cho chúng ta lưu ý. Lý luận này đặt nền tảng trên chủ tác giả bên nhà được chúng ta dùng làm quốc ca là Lưu Hữu Phước, hiện là một cán bộ công sở, và Lưu Hữu Phước đã lên tiếng sự việc người quốc gia Việt Nam là vô liêm sỉ khi lấy bên nhà của anh ta và đặt lời lời ca để dùng. Một sự việc người quốc gia Việt Nam đã trở ra khó chịu với việc này và những người muốn thay đổi quốc ca đã đưa vào đó để kêu gọi mọi người bỏ bên quốc ca hiện tại.

a. Những điểm về cá nhân Lưu Hữu Phước Vì lý luận trên đây đưa vào cá nhân Lưu Hữu Phước nên chúng ta cần phải biết về cá nhân này trước khi phán đoán. Thứ nhất Chiến II, Lưu Hữu Phước là một sinh viên có tinh thần quốc gia và cũng như nhiều sinh viên khác của Việt Nam Độc Lập Hà Nội, chỉ có chủ trương giành độc lập cho Việt Nam mà không gia nhập đoàn thể chánh trị nào. Lúc CSVN chấp hành quy định, Lưu Hữu Phước đã hoạt động với Anh Nguyễn Tôn Hoàn là một cán bộ của Đội Việt Quốc Dân Đng tại Việt Nam Độc Lập Hà Nội. Lúc CSVN chấp hành quy định, Lưu Hữu Phước và một số sinh viên khác gia nhập Đng Tân Dân Ch, một chánh đảng hợp tác với CSVN trong Mặt Trận Việt Minh, nhưng lúc đưa phân biệt với Đng CSVN và nhiều khi tranh cãi trong đảng này. Tuy nhiên, bằng cách mua chuộc, mua ép, CSVN đã lôi phần lớn các đảng viên Tân Dân Ch vào Đng CS và chỉ còn dùng tên Đng Tân Dân Ch làm một nhãn hiệu để làm cho người ta lầm tưởng rằng họ xây dựng lên không phải là chế độ độc đảng. Lưu Hữu Phước thuộc thành phần đảng viên Tân Dân Ch bị lôi kéo vào Đng CS. Anh ta không hề khí phách để chống lại việc đó và bỏ rơi ra khỏi trường chánh trị như Đng Nguyễn Tấn, cũng không hề tinh thần sớt máu để được CSVN tin dùng như Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Văn Tấn, Trần Bửu Kiếm. Một khác, anh ta không có một khả năng để biết về chánh trị mà CSVN có thể khai thác được như Mai Văn B. Trước sau, Lưu Hữu Phước chỉ là một nhà sĩ. Do đó, CSVN đã dùng anh ta như một văn công, soạn xuất nhạc theo lệnh Đng và lên tiếng với các vấn đề khác như khi Đng thay đổi. Nói tóm lại, Lưu Hữu Phước đã sáng tác bên nhà của Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân lúc còn là một sinh viên có tinh thần quốc gia. Ngày nay, anh ta là một văn công của CSVN và mọi người phát biểu của anh ta chỉ là do Đng CSVN muốn cho.

b. Quan niệm chung của người các nước trên thế giới về quốc ca Nhật được cho là sáng tác bởi nhạc sĩ của Quốc Dân Hành Khúc, Lưu Hữu Phước đã là một đồng nghiệp cùng sự rạn vỡ và việc chỉ trích chúng ta dùng bởi nhạc đó là do ý anh ta, chúng ta cũng không phải bởi tâm vỡ vỡ nên đây, vì theo quan niệm chung của người các nước trên thế giới về quốc ca thì khi một bởi nhạc đã được quốc dân nhận làm quốc ca, nó không còn của riêng ai nữa mà là của toàn dân. Do đó, cá nhân người sáng tác bởi nhạc cũng như người chỉ bởi nhạc làm quốc ca không thành một việc đem ra thảo luận. Chúng ta có một tiền lệ đáng lưu ý về việc này. Đó là trường hợp bởi Marseillaise được dùng làm quốc ca Pháp. Bởi quốc ca này được một nhà quý tộc Pháp là Rouget de Lisle sáng tác năm 1792. Lúc ấy, Vua Louis第十六 còn trẻ và Rouget de Lisle là một sĩ quan trong Quân đội Pháp. Năm 1793, Vua Louis第十六 bị xử tử và Rouget de Lisle bị bắt vì là người quý tộc theo phe bởi hoàng chế ngụy Cách Mạng. Lúc ấy, Ông Lazare Carnot, Ủy Viên Quốc Phòng của Hội đồng Cách Mạng vì muốn cứu một sĩ quan cùng binh chế ngụy với mình, mới là tác giả bởi Marseillaise, đã đồng ý Rouget de Lisle tuyên thệ trung thành với Cách Mạng thì sẽ được tha, nhưng Rouget de Lisle từ chối vì không chịu phụ thuộc lý tưởng bởi hoàng chế của mình. Cuối cùng, ông ta chỉ thoát chết vì chánh phủ cách mạng chỉ trỗi dậy ở Khung Bờ do Robespierre cầm đầu đã bị lật đổ trước khi bị án tử hình của ông ta được đem ra thi hành. Nhưng một đầu sau năm 1793, Rouget de Lisle đã trở thành người chế ngụy Cách Mạng, chánh quy định cách mạng Pháp với tiền lệ bởi Marseillaise do ông sáng tác và năm 1795 đã chánh thức quy định như vậy nó làm quốc ca.

c. Trường hợp bởi Tiễn Quân Ca được tập đoàn CSVN dùng làm quốc ca Bởi Tiễn Quân Ca được tập đoàn CSVN dùng làm quốc ca với do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác trong thời kỳ CSVN chưa có pháp định chánh quy định Việt Nam. Không rõ lúc ông sáng tác bởi nhạc này, Văn Cao đã là một đồng nghiệp cùng sự rạn vỡ hay chưa. Nhưng chắc chắn là với sau, ông đã vào Đảng CSVN. Tuy nhiên, cũng như nhiều văn nghệ sĩ có nhiệt tâm yêu nước thời đó, Văn Cao đã lên lên như chân được bởi một thời của Cộng Sản. Điều đáng quý là ông đã can đảm hơn nhiều người khác như Lưu Hữu Phước chế ngụy hơn, và đã dám nói lên sự bất mãn và chế ngụy đối của mình. Ông đã tham dự phong trào Nhân Văn Giai Phẩm hồi năm 1956 và đã dứt khoát chế ngụy ở Đảng CSVN. Trong con mắt của CSVN hiện nay, Văn Cao là một phần tử phản Đảng, phản đồng, phản cách mạng. Với chế trỗi dậy của tài sản máu và lòng tự hào là Đảng mình lúc nào cũng hành động hợp với chánh nghĩa, CSVN rất xấu hổ với chế bởi quốc ca họ dùng là sáng tác của một nhạc sĩ phản Đảng, phản đồng và phản cách mạng. Bởi đó, họ không chịu theo quan niệm thông thường bởi một với lịch sử bởi Marseillaise của Pháp, nghĩa là bắt chấp lập trường chánh trị với sau của tác giả bởi quốc ca. Họ đã treo một giá trị thông lệ lên cho người sáng tác được một bởi nhạc đáng làm quốc ca mới. Nhưng trong nhiều trăm bởi nhạc gợi đến đời thì, họ đã không chấp được bởi nào ra hơn. Cuối cùng, họ phải hèn mạt giá bởi Tiễn Quân Ca làm quốc ca. Người quốc gia Việt Nam chúng ta theo quan niệm thông thường trên thế giới về quốc ca nên không có gì phải hèn mạt vì tác giả bởi quốc ca chúng ta đang dùng hiện đã trở thành một văn công của CSVN. Và nếu có người nào đem việc Lưu Hữu Phước sự việc chúng ta với chế đã lấy bởi nhạc do anh ta sáng tác làm quốc ca, chúng ta có thể bởi họ nên dùng các lợi sự việc đó đặt trong miếu Văn Cao để gởi cho tập đoàn CSVN.

3. Nhiệm vụ của người quê gia Việt Nam đối với bản quê ca Quê c Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân Người quê gia Việt Nam may mắn có một bản quê ca hùng hồn để dùng để thúc đẩy người ái quê tranh đấu cho nền độc lập và sự tự do của dân tộc. Bản quê ca này rất xứng đáng với lá quê c kẻ nên vàng ba sắc đỏ. Với giá trị nội tại của chính nó, thêm vào vai trò ng lôi ch mà nó đã đóng, nó lúc nào cũng gây sự xúc động mạnh mẽ trong tâm trí người Việt Nam ái quê. Từ khi được chính thức dùng làm quê ca của nước Việt Nam độc lập, nó đã được nhiều quê gia trên thế giới biết đến. Từ Việt Nam, nó đã cùng với quê c kẻ nên vàng ba sắc đỏ làm y hệt hời tởp nhiều tri thức sĩ quân nhân nhân dân sự tranh đấu cho sự tự do của dân tộc Việt Nam. Nó đã là bản nhạc tiễn đưa ra nghĩa trang nhiều trăm ngàn người đã chết vì Tổ Quốc Việt Nam. Nhờ vậy, nó cũng là một bản oanh liệt thiêng liêng của chúng ta y như quê c kẻ. Hiện nay, bản Quê c Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân không còn được chính thức dùng bên trong nước Việt Nam, nhưng như mọi người Việt Nam quê c nên đấu biết rằng đó là bản nhạc của người quê gia chúng tôi Cộng Sản. Bên ngoài Việt Nam, nó cũng được người ngoại quê xem là bản nhạc biểu tượng cho người quê gia chúng tôi. Không bản nhạc nào khác có thể thay thế Quê c Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân với một này. Vậy, vì c tôn trọng bản quê ca đó và tiếp tục dùng nó chung với quê c kẻ nên vàng ba sắc đỏ một cách riêng rẽ thì mới nên là một công cuộc đóng góp vào việc giới phóng Việt Nam khỏi ách Cộng Sản. Nếu mọi người Việt Nam quê hời ngoại đấu đấu tâm nhứt trí để tranh đấu chung nhau thì một ngày không xa lắm, bản Quê c Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân sẽ được hát lên khắp các nẻo đường đất nước Việt Nam từ mũi Cà Mau đến núi Nam Quan. Chúng tôi nghĩ rằng lúc này, chắc chắn không có bài khời hoàn ca nào hay hơn nó được.